TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:18/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 28/6/2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đình Sở và bà Phùng Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên toà: Ông Đ Ngọc Thủy-Thẩm tra viêncủa Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:Ông Nguyễn Giang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đ Thị L**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Khu T Ch, xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Ông **Bùi Đức Dũng**–
trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ
(có mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Hà Văn Đ**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu T Ch, xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Hà Văn Đ tự nguyện kết hôn vào ngày 16/12/2008, có đăng ký tại UBND xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng ở xóm T Ch, xã Th C. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì thường xuyên mâu thuẫn.Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách sống, trong làm ăn kinh tế gia đình,không tin tưởng vào tình cảm của nhau, từ đó có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau. Từ năm 2020, chị và anh Đ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau nữa; chị L đã về nhà bố mẹ để ở. Nay chị Lxác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn

nhân không thể hàn gắn được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có02 con chung là cháu Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Hà Thái Bảo, sinh ngày 17/12/2009, hiện nay các cháu đang ở với anh Đ và ông bà nội.Khi ly hôn, chị L tự nguyện đồng ý để anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các cháu thành niên, chị đi làm xa nhà, chỗ ăn ở không ổn định nên không đảm bảo việc nuôi con chung. Mặt khác, hai cháu vẫn ở với anh Đ và ông bà Nội từ nhỏ đến nay; điều kiện sinh hoạt và học tập đều ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị L xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Phía Bị đơn, anh Hà Văn Đ:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt nên không có quan điểm.

[3]. Quan điểm của đại diện gia đình anh Hà Văn Đ: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2024, ông Hà Văn Tiền (là bố đẻ anh Đ) cho biết, anh Đ và chị L kết hôn năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với gia đình ông. Quá trình chung sống anh Đ và chị L không hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm mọi vấn đề trong cuộc sống; vợ chồng không chịu nhường nhịn, chia sẻ với nhau mà cố chấp nên dẫn đến cãi nhau. Anh Đ, chị L đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Thực tế cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ và chị L không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

Anh Đ và con hiện nay đang ở với ông nhưng anh Đ đi làm thuê ở Hà Nội; địa chỉ cụ thể, công việc anh Đ làm thì ông không nắm được, tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên về nhà chơi, thăm nom các con, gia đình; khi anh bận không về được thì anh có gọi điện cho gia đình. Anh đi làm thì hàng tháng có gửi tiền về để ông nuôi các con của anh, đóng tiền học và chi tiêu trong gia đình; anh Đ có trách nhiệm với con chung. Đối với chị L từ khi sống ly thân thì không thăm nom, chu cấp gì cho con chung.Ông Tiền đề nghị Tòa án giao cháu Yến và cháu Bảo cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi từng cháu thành niên.

Ông đã nhận giấy báo của Tòa án thay cho anh Đ và giao lại cho anh Đ, anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết việc chị L làm đơn xin ly hôn anh Đ, nhưng do tính chất công việc nên anh không đến Tòa án làm việc được.

[4]. Quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Lkết hôn với anh Hà Văn Đ năm 2008, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Th C, huyện Thanh Sơn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Trong cuộc sống, anh chị đã có nhiều mâu thuẫntheo xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương và cung cấp của gia đình anh Đ. Phíachị L xác định không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đ Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Hà Văn Đ. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung của anh chị là cháu Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Hà Thái

Bảo, sinh ngày 17/12/2009cho anh Hà Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị L và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L; cho chị L được ly hôn anh Đ. Về con chung:Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Hà Thái Bảo, sinh ngày 17/12/2009.Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không trực tiếp nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bảo và cháu Yến hàng tháng với số tiền 900.000 đồng/ 1 tháng/1 cháu là phù hợp Điều 82, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị L được miễn toàn bộ án phídân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Đ Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn Đ, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ, tuy nhiên anh Đ cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện ThanhSơn xét xử vắng mặt chị L và anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 16/12/2008, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Th C,

huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng đều phải đi làm ăn xa mỗi người một nơi nên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi, chửi nhau. Chị và anh Đ đã chính thức ly thân từ năm 2020, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh Đ, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh Đ Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư, UBND xã Th C thấy rằng: Lời trình bày của chị L về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ là hoàn toàn đúng. Đại diện gia đình anh Đ là ông Hà Văn Tiền (là bố đẻ anh Đ) cũng xác định anh Đ và chị L chung sống không hòa thuận hạnh phúc, từ năm 2020 chị L đã chính thức bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không hợp tác hòa giải và không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Đ, cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Vềcon chung:

- Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Thị Hải Yến, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Hà Thái Bảo, sinh ngày 17/12/2009. Con chung của anh chị đang ở với anh Đ và ông bà nội từ nhỏ cho đến nay, được anh Đ và ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học.Khi ly hôn, chị L tự nguyện để cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi các cháu thành niên.

Xét thấy, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định hiện nay anh Đ đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Yến và cháu Bảo. Tại bản tự khai ngày 13/5/2024 cháu Hà Thái Bảo và cháu Hà Thị Hải Yến đều có nguyện vọng ở với bố (anh Đ). Đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương xã Th C cung cấp: 02 con chung của anh Đ, chị L được anh Đ và bố mẹ của anh Đ nuôi dưỡng trong điều kiện tốt; đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ em đề nghị Tòa án giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo và cháu Yến cho đến khi từng cháu thành niên. Đại diện gia đình anh Đ (bố đẻ của anh Đ: ông Hà Văn Tiền) xác nhận hiện nay gia đình ông đang nuôi 02 con chung của anh Đ và chị L, anh Đ đi làm thỉnh thoảng về thăm nhà, thăm con; anh Đ là người lo kinh tế để chăm sóc, nuôi dạy con chung; ông đề nghị Tòa án giao cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu Bảo và cháu Yến cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng theo quy định tại các Điều: 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Khi chị L, anh Đ có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì "*Cha, mẹkhông trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Trong vụ án này chị L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phía anh Đ không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm về từ chối việc cấp dưỡng. Do đó, chị L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của mẹ cho con chưa thành niên là phù hợp Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Chị L là người có khả năng lao động, hiện đang đi làm thuê, chỗ ăn ở không ổn định nên cần buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Bảo và cháu Yến hàng tháng với số tiền cho mỗi cháu là 900.000 đồng, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi từng cháu thành niên là phù hợp.Khi chị L, anh Đ có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

*2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, tư trang riêng của vợ chồng:*Nguyên đơn xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bị đơn vắng mặt không có yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Khi chị L, anh Đ có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị L là Nguyên đơntrong vụ án ly hôn đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị ngày 21/3/2024 chị L xin được miễn nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm vì là Người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), hiện đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Xét thấy, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ thì xã Th C, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hônvà án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng chochị L là phù hợp với quy định tại điểm đ Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Đ Thị L. Cho chị Đ Thị L được ly hôn anh Hà Văn Đ.
2. *Về nuôi con chung:*Giao cháu Hà Thái Bảo, sinh ngày 17/12/2009 và cháuHà Thị Hải Yến, sinh ngày 01/02/2015 và cho anh Hà Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi từng cháu thành niên.

   Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Hà Thị Hải Yến và cháu Hà Thái Bảo mỗi cháu số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng); 02 (hai) cháu là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ thàng 7/2024 cho đến khi từng cháu thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:*Miễn toàn bộ tiền án phídân sựsơ thẩm (trong vụ án ly hôn) và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Đ Thị L.
5. *Về quyền kháng cáo:*Chị L, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.
6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Sơn;
- THADS huyện Thanh Sơn;
- UBND xã Th C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Mai